

MINH TRIẾT TRONG BƯỚC CHUYỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TỪ MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC ĐẾN MỤC TIÊU KẾT HỢP ĐỘC LẬP DÂN TỘC VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

LÊ THỊ LAN^(*)

Minh triết Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

Sự kế thừa tư tưởng dân tộc chủ nghĩa Việt Nam truyền thống và tiếp thu tư tưởng dân tộc đương đại của Hồ Chí Minh là biểu hiện của lối tư duy minh triết.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chúng ta thấy tư tưởng này là tổng hòa của ba thành tố: sự kế thừa tư tưởng dân tộc chủ nghĩa truyền thống, sự tiếp thu tư tưởng về dân tộc và giải phóng dân tộc kiểu mới của Lenin và sự tiếp thu tư tưởng dân tộc độc lập trong chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn. Ba thành tố này, theo thời gian, lần lượt được gắn kết và trở thành tư tưởng dân tộc độc lập nhất quán, xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Trước hết, tư tưởng về độc lập dân tộc của Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở kế thừa tư tưởng dân tộc chủ nghĩa Việt Nam truyền thống với cốt lõi là tinh thần yêu nước. Đọc các trước tác, di thảo của Hồ Chí Minh, ta thấy xuyên suốt trong tư tưởng của Người một tri thức uyên bác về lịch sử dân tộc, ý thức về nền văn hiến của dân tộc và quyền

dân tộc độc lập. Hồ Chí Minh đã kế thừa chủ nghĩa dân tộc kiên định với những đặc trưng riêng của Việt Nam [xem thêm 1, 1]. Có thể chỉ ra những đặc trưng đó là:

- Độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ là tiêu chí xuyên suốt và tối cao của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, người Việt Nam từ xưa tới nay luôn luôn đấu tranh không mệt mỏi, “thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [2, 67] để giành lại nền độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

- Ý thức tự hào về nền văn hoá riêng được các thế hệ người Việt coi là một biểu hiện đặc trưng nhất của tinh thần dân tộc. Niềm tự hào về tính đặc sắc của văn hoá dân tộc là một yếu tố căn bản nhất của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam và là một trong những động lực và ý nghĩa căn bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc.

^(*) PGS.TS., Phó Viện trưởng Viện Thông tin Khoa học xã hội.

- Ý thức đoàn kết dân tộc trên nền tảng tâm thức về một cội nguồn tổ tiên chung, một nòi giống chung “con Rồng cháu Tiên” như tiếng gọi thiêng liêng tập hợp sức mạnh dân tộc chống lại kẻ thù, chiến thắng mọi kẻ thù dân tộc.

- Lòng yêu nước mãnh liệt, sâu sắc và trường tồn được xây dựng bắt đầu từ tình yêu gia đình rồi mở rộng dần tới làng xóm, quê hương, đất nước.

Những đặc trưng căn bản nhất của chủ nghĩa dân tộc Việt như trên đã được Hồ Chí Minh kế thừa một cách xuất sắc, được Người vận dụng hết sức tài tình vào lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Vào đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh bị Pháp cai trị, các cuộc khởi nghĩa, đấu tranh giành độc lập dân tộc theo kiểu phong kiến và dân chủ tư sản lần lượt thất bại dẫn tới cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước, Hồ Chí Minh đã kế thừa quan điểm của các nhà dân tộc chủ nghĩa cận đại như Phan Bội Châu nhận thức vấn đề dân tộc trên bình diện mới, trên phạm vi khu vực, trên tầm đối sánh văn hoá Đông-Tây, định hướng kiếm tìm sự ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc vượt khỏi khuôn khổ lãnh thổ Việt Nam.

Lòng yêu nước, ý chí giải phóng dân tộc khỏi ách ngoại xâm là động lực dẫn dắt Hồ Chí Minh trên con đường cách mạng cứu nước. Người khẳng định: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn” [5, 44]. Sau kinh nghiệm về thất bại của đường lối giải phóng dân tộc của các thế hệ đàn anh: đường lối khởi nghĩa nông dân, đường lối bạo động tư sản, đấu tranh dân chủ cải lương,...; sau những tìm hiểu và nhận thức về bản chất bóc lột và đàn áp của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh

vẫn phải đương đầu với vấn đề tối quan trọng với bất cứ người nào mong muốn làm cách mạng giải phóng dân tộc, đó là vấn đề đường lối cứu nước. Lenin đã giúp Người tìm được con đường dân tộc phải đi: giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Bởi vì khi đó, trên toàn thế giới, chỉ có lực lượng cách mạng XHCN xô viết mới tuyên bố tôn trọng và bảo vệ quyền dân tộc độc lập và tự quyết cho các dân tộc, trong đó có các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, có Việt Nam. Đi theo con đường cách mạng vô sản, đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin, Hồ Chí Minh không chỉ giải quyết được vấn nạn về đường lối cách mạng mà sẽ giải quyết được một loạt các vấn đề cốt lõi khác của cách mạng Việt Nam như: đảng cách mạng, giai cấp lãnh đạo, lực lượng cách mạng, phương pháp cách mạng, tổ chức cách mạng,...

Bên cạnh việc kế thừa tư tưởng dân tộc chủ nghĩa truyền thống và tư tưởng dân tộc của Lenin, trong quá trình hoạt động cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng dân tộc độc lập của Hồ Chí Minh còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Tôn Trung Sơn về dân tộc độc lập.

Chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn là một học thuyết cách mạng có vai trò to lớn trong sự vận động lịch sử Trung Quốc giai đoạn cận - hiện đại. Cách mạng Tân Hợi năm 1911 do Tôn Trung Sơn lãnh đạo với ngọn cờ tư tưởng là chủ nghĩa tam dân đã đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến từng tồn tại hàng nghìn năm trên đất nước Trung Quốc. Chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn, với tôn chỉ “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc” đã đáp ứng được khao khát đấu tranh giành lại độc lập dân tộc của Việt Nam và được các chí sĩ yêu nước Việt Nam nhiệt liệt chào đón.

Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới diễn biến chính trị và cách mạng đang diễn ra sôi động ở Trung Quốc. Người khẳng định sự phù hợp của thuyết tam dân đối với cách mạng Việt Nam: “Chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên, có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước chúng tôi” [dẫn theo 6]. Dưới tên nước “Việt Nam dân chủ cộng hòa” non trẻ mới thành lập là tiêu ngữ “Độc lập-Tự do-Hạnh phúc”. Đây là tiêu ngữ gắn liền với lịch sử nhà nước cách mạng vô sản Việt Nam cho đến tận ngày nay, phản ánh súc tích mục tiêu cao quý, lâu dài và hợp lòng dân của cuộc cách mạng Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Cốt lõi tư tưởng của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

Khảo sát các văn bản của Hồ Chủ tịch cũng như đối chiếu với những hoạt động cách mạng của Người, chúng ta thấy tư tưởng dân tộc độc lập của Hồ Chí Minh nổi bật trên những khía cạnh sau: Dân tộc độc lập là mục tiêu trước tiên và trên hết của cách mạng; dân tộc độc lập là nguyên tắc tối cao của cách mạng; dân tộc độc lập là chính nghĩa phải đấu tranh giành lại và bảo vệ đến cùng của cách mạng; và dân tộc độc lập phải đem lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân mới là mục đích cuối cùng và cốt lõi của cách mạng.

Vì mục tiêu dân tộc độc lập, Hồ Chí Minh đã tham gia vào các đảng phái, tận dụng mọi cơ hội, mọi diễn đàn để phát biểu và kiến nghị để kiếm tìm mọi sự ủng hộ, nhất là sự ủng hộ của Quốc tế cộng sản cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Quán triệt mục đích cách mạng trước hết và tối cao là độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định sự kế thừa sự nghiệp cách mạng của các bậc tiền bối cũng như truyền thống bất khuất, anh

hùng không chịu làm nô lệ của dân tộc: “Bảy tám chục năm nay... chúng ta đã không ngừng hi sinh phấn đấu để giành độc lập tự do cho dân tộc ta...” [2, 41].

Độc lập dân tộc là nguyên tắc tối cao và thường trực của sự nghiệp cách mạng, nên Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển lực lượng cách mạng và tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân cả nước sẵn sàng chớp lấy cơ hội giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc. Ngay khi Nhật đầu hàng đồng minh, quân đội tan rã, bộ máy quyền lực ở Việt Nam suy sụp, Hồ Chí Minh đã chớp thời cơ, phát lệnh tổng khởi nghĩa trên cả nước. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập có thể coi là bước đầu hoàn thành mục tiêu độc lập dân tộc của cách mạng.

Độc lập dân tộc là ngọn cờ chính nghĩa của cuộc cách mạng do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Chính nghĩa đó được Người tuyên bố hùng hồn trong *Tuyên ngôn độc lập*. Sức mạnh lý luận về quyền tự do, bình đẳng của thời đại đã được Người dùng làm lý lẽ sắc bén minh chứng cho quyền được độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng... Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu nói ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do” [2, 53]. Một dân tộc có lịch sử văn hiến lâu dài, anh dũng trường kỳ đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân Pháp, ủng hộ Đồng minh chống phát xít, có chính nghĩa... có quyền được hưởng tự do độc lập: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã

thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy” [2, 55]. Người luôn khẳng định: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt” [2, 166]. Như vậy, độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là nguyên tắc đầu tiên và tối cao, vừa là mục tiêu bất di bất dịch, vừa là nền tảng chính nghĩa của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà Người lãnh đạo. Tư tưởng độc lập dân tộc đó đã trở thành kim chỉ nam dẫn dắt Hồ Chí Minh và dân tộc thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Minh triết Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Lựa chọn CNXH là mục tiêu của cách mạng Việt Nam là một lựa chọn minh triết của Hồ Chí Minh. Tìm thấy cơ hội và hướng giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong cách mạng vô sản chính là nguồn động viên Hồ Chí Minh dẫn thân gia nhập Quốc tế thứ ba và trở thành người chiến sĩ cộng sản. Trong quá trình hoạt động như một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh đã đi tới những nhận thức sâu sắc về CNXH.

Trước hết, CNXH được đại diện bởi Nhà nước Xô viết do Lenin lãnh đạo, là một xã hội tốt đẹp nhất mà ở đó, chế độ người bóc lột người bị xóa bỏ, không có bất bình đẳng giai cấp, không có bất bình đẳng dân tộc. Mặt khác, CNXH cũng được Người nhận thức với những tiêu chí rất rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm,

được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Với sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân để tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, mọi công việc đều làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì các kế hoạch nhà nước nhất định hoàn thành, và đời sống của nhân dân ta chắc chắn được cải thiện thêm mãi” [2, 219]. Nhận thức về CNXH như vậy là hoàn toàn phù hợp và đáp ứng nguyện vọng của đại đa số nhân dân Việt Nam khi đó.

Thứ hai, CNXH được Hồ Chí Minh lựa chọn là một chế độ xã hội tốt đẹp với những nội dung cụ thể. Lý luận Mác xít và thực tiễn cách mạng thế giới đầu thế kỷ XX đã chứng minh rằng chỉ có bằng cách mạng vô sản lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền của giai cấp công nông mới có thể xóa bỏ áp bức bóc lột, xóa bỏ bất bình đẳng giai cấp. Hồ Chí Minh đã trải nghiệm hai mô hình phát triển điển hình là mô hình tư bản chủ nghĩa và mô hình XHCN (Liên Xô). Chỉ có mô hình XHCN mới cam kết xóa bỏ bất công, đói nghèo, bóc lột, hứa hẹn bình đẳng, ấm no, độc lập cho toàn thể dân tộc. Người khẳng định: “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ XHCN và cộng sản chủ nghĩa” [2, 186]. Đó là cơ sở cho lựa chọn con đường phát triển dân tộc của Hồ Chí Minh.

Trong *Báo cáo về Hiến pháp sửa đổi*, Hồ Chí Minh đã xác định các nguyên tắc tổ chức Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với tinh thần tôn chỉ là “Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc nhà nước” [2, 200]. Hồ Chí Minh đã khẳng định những quyền

và nghĩa vụ căn bản nhất của công dân, đồng thời cũng là những quyền con người căn bản trong CNXH, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc của kẻ thù: “Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền làm việc, có quyền nghỉ ngơi, có quyền học tập, có quyền tự do thân thể, có quyền tự do ngôn luận, báo chí hội họp, lập hội, biểu tình, có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, có quyền bầu cử, ứng cử... Công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình...” [2, 203-204]. Như vậy, nội dung của xã hội XHCN đã được Hồ Chí Minh nêu rõ trong Hiến pháp sửa đổi năm 1959 về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa.

Thứ ba, CNXH trong tư tưởng Hồ Chí Minh có những tiêu chí rất rõ ràng, cụ thể về chất lượng sống của nhân dân và phải trải qua một lộ trình với những bước đi cụ thể và những mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn. Trong hầu hết các văn bản của Người khi nói tới mục tiêu của cách mạng, Hồ Chí Minh đều nhấn mạnh tiêu chí “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [xem 2, 208, 214, 224, 238] không ảo tưởng về một xã hội hoàn thiện từ trên trời rơi xuống. Người xác định, CNXH là đích đi tới của cách mạng mà đường hướng của cách mạng là “kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội” [2, 83]. Nhưng để đạt được mục đích đó, mỗi một giai đoạn cụ thể của cách mạng phải giải quyết những nhiệm vụ cụ thể.

Về mặt lý luận, xã hội XHCN không còn giai cấp bóc lột, đặc biệt là không còn quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa mà đại diện là giai cấp tư sản. Tuy nhiên, trong điều kiện cụ thể của Việt

Nam, giai cấp tư sản dân tộc đã góp một phần không nhỏ vào thành công của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc. “Số đông họ đã đi theo nhân dân lao động chống đế quốc, phong kiến, đã tham gia kháng chiến”, vì vậy, không thể dùng chính sách cứng nhắc đối với thành phần kinh tế này. Quán triệt quan điểm giai cấp nhưng Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh nguyên tắc đoàn kết các lực lượng kinh tế trong xã hội, kêu gọi, thuyết phục, cải tạo các thành phần kinh tế tư sản tự nguyện tham gia đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng nền kinh tế XHCN. Chính sách đối với giai cấp tư sản dân tộc là “Cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản dân tộc. Về kinh tế, chúng ta không tịch thu tư liệu sản xuất của họ, mà dùng chính sách chuộc lại. Về chính trị, chúng ta vẫn cho họ có quyền lợi chính đáng, họ vẫn được giữ địa vị một thành viên trong Mặt trận Tổ quốc” [2, 217]. Quan điểm điều hoà lợi ích giai cấp trong bối cảnh phải đoàn kết dân tộc, phát huy tối đa sức mạnh dân tộc vào sự nghiệp phát triển đất nước, trên cơ sở nhận thức tầm quan trọng, vị trí, vai trò của các giai cấp trong sự nghiệp chung xây dựng và phát triển đất nước là một nhận thức minh triết.

Trong tiến trình xây dựng CNXH, Hồ Chí Minh nhấn mạnh nền tảng xuất phát thấp của nền kinh tế đất nước là nền nông nghiệp lạc hậu, vì vậy, phải lấy nông nghiệp làm đối tượng chính của công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế: “Cần phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác. Phải cải tạo và phát triển nông nghiệp để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hóa nước nhà. Phải có một nền nông nghiệp phát triển thì công nghiệp mới có thể phát triển mạnh” [2, 217]. Sự tương hỗ phát triển

giữa công nghiệp và nông nghiệp với điểm khởi đầu là phát triển nông nghiệp trong một nước nông nghiệp chiếm 90% tỷ trọng nền kinh tế là một tầm nhìn minh triết, hết sức khoa học, sáng suốt. Thực tiễn phát triển của các nước trên thế giới đã chứng tỏ quan điểm kinh tế khoa học đó của Hồ Chí Minh. Đó là con đường cần phải đi hiệu quả nhất của các nước nông nghiệp muốn hiện đại hóa nền kinh tế.

Thứ tư, CNXH chỉ có thể phấn đấu xây dựng dựa vào một đảng cầm quyền sáng suốt “luôn luôn đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân” [2, 219]. Hồ Chí Minh đã tổng kết thành tựu rực rỡ 30 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản là nhờ vào việc nắm vững và giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân; củng cố liên minh công nông; khéo tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong Mặt trận dân tộc thống nhất, luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả các lực lượng có thể tranh thủ, chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ mặt trận; biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức. Đó cũng là những bài học mà Đảng Cộng sản Việt Nam phải luôn luôn quán triệt, giữ gìn trong quá trình lãnh đạo đất nước để đảm bảo xây dựng thành công CNXH. Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác phê bình và tự phê bình trong Đảng, coi đó là phương pháp tối quan trọng nhằm củng cố và nâng cao sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Đó cũng là phương pháp tích cực nhất đảm bảo vai trò lãnh đạo tối cao của Đảng.

Minh triết Hồ Chí Minh về sự gắn kết độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, chúng ta thấy sự chuyển biến rõ nét từ mục tiêu độc lập dân tộc tới gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Điều này đã được Hồ Chí Minh luôn khẳng định: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ không phải là chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác-Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách áp bức” [xem 2, 227-229].

Như vậy, một điều chắc chắn về thời gian cũng như logic là tư tưởng gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH cho cách mạng Việt Nam đã được hình thành và củng cố ngay sau khi Người giác ngộ chủ nghĩa Marx-Lenin. Ngay ngày 18/02/1930, trong *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã kết hợp mục tiêu dân tộc với các đặc trưng của CNXH trong 10 khẩu hiệu cách mạng đưa ra [2, 40]^(*). Trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, Hồ Chí Minh đã chủ trương tính chất cách mạng thời kỳ đầu là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng

^(*) Trong 10 khẩu hiệu thể hiện mục tiêu phấn đấu của cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo chỉ có hai khẩu hiệu đầu tiên nói tới mục tiêu độc lập dân tộc, còn 8 khẩu hiệu tiếp theo là nói tới những mục tiêu phải thực hiện để thiết lập một chế độ xã hội XHCN với những đặc trưng là chính phủ công nông binh, công hữu hóa tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản phản động và thực dân, đem lại mọi quyền tự do bình đẳng cho nhân dân, thực hiện chế độ làm việc ngày 8 giờ.

sản” [3, 1]. Trong thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng tháng 10/1945, Hồ Chí Minh đã khẳng định mục tiêu của cách mạng không chỉ dừng lại ở độc lập dân tộc mà phải đi tới mục đích cao hơn là hạnh phúc ấm no, tự do cho đại đa số nhân dân lao động: “Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì” [2, 58]. Tư tưởng về sự gắn kết hữu cơ mục đích độc lập dân tộc và CNXH của cách mạng Việt Nam đã được Hồ Chí Minh đề ra ngay trong các văn kiện cách mạng đầu tiên. Quán xuyên toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gắn bó hữu cơ của tư tưởng độc lập dân tộc và tư tưởng CNXH trên một số điểm sau:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh nhận thức rõ trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, con đường cách mạng vô sản để thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa là con đường duy nhất để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc cho các dân tộc thuộc địa và bị áp bức. Đây là sự đúc kết kinh nghiệm thực tiễn nhiều năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước và tổng kết lý luận cách mạng của Người. Cả về mặt thực tiễn và lý luận, Hồ chí Minh đều khẳng định đường lối cách mạng duy nhất đúng đắn thời kỳ đó là làm cách mạng vô sản: “Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác-Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [2, 109].

Thứ hai, dù nhận thức lý luận về con đường cách mạng Việt Nam phải tiến hành theo hai giai đoạn: cách mạng

dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN nhưng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đó không hoàn toàn là sự phân định trước sau một cách cứng nhắc mà là sự gắn kết song hành và tùy thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể mỗi giai đoạn mà mục tiêu độc lập dân tộc hay CNXH được nhấn mạnh là nhiệm vụ hàng đầu. “Theo Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp giành độc lập dân tộc, thì vấn đề dân tộc và vấn đề dân chủ là hai nhiệm vụ cơ bản cần được tiến hành khăng khít với nhau, nhưng không tiến hành song song nhất loạt ngang nhau” [xem thêm 5, 274-275].

Trước Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh xác định: “Giờ đây công cuộc giải phóng dân tộc là cao hơn tất cả” [2, 44]. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, tuyên bố quyền dân tộc độc lập đối với đế quốc Pháp. Tuy nhiên, với sự tái chiếm đóng của Pháp, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn phải tiếp tục đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ là giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng giai cấp. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ dân tộc độc lập là tối cao, hàng đầu, nhưng nhiệm vụ giải phóng giai cấp cũng phải được tiến hành từng bước phù hợp với bước phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc.

Việc tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng dân tộc và XHCN trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được coi trọng ngang nhau thể hiện tầm quan trọng và sự tương tác, gắn kết chặt chẽ, làm tiền đề cho nhau của hai cuộc cách mạng này. Khẩu hiệu hàng đầu trong các diễn văn, lời kêu gọi, lời phát biểu... của Hồ Chí Minh thể hiện mục tiêu duy nhất, trên hết và nhất quán của cách mạng Việt Nam luôn luôn được nhắc đi nhắc

lại là: “Nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm” [xem thêm 2, 173, 208, 222, 301]. Khẩu hiệu này đã không chỉ phản ánh mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH gắn kết biện chứng, không thể tách rời, làm tiền đề cho nhau của cách mạng Việt Nam, mà còn chỉ ra trình tự ưu tiên phấn đấu đạt tới những mục đích đó về mặt thời gian. Như vậy, một trong những điểm nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và CNXH là hai mục tiêu vừa phải gắn kết vừa phải ưu tiên thứ tự trước sau phù hợp với bước đi của cách mạng.

Thứ ba, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc là để giải phóng con người, để nhân dân có được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Thực tiễn tốt đẹp của Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết khi đó đã chứng minh hùng hồn tính khoa học và mục tiêu vì hạnh phúc của con người của lý luận cách mạng Marx-Lenin. Với Hồ Chí Minh: “Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản từ chỗ chỉ là một ước mơ cao đẹp của loài người, sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã trở thành một hiện thực trong xã hội, có sức mạnh vô cùng to lớn lôi cuốn hàng nghìn triệu người vào hành động cách mạng, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội” [2, 301].

Thứ tư, trong thời đại của chủ nghĩa đế quốc, dân tộc chỉ có thể được giải phóng, được độc lập một cách triệt để nhất bằng việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân theo đường lối cách mạng vô sản, đồng thời, chỉ có thể xây dựng CNXH khi dân tộc được độc lập. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, tạo điều kiện để nhân dân qua con đường dân chủ, thực hiện quyền

làm chủ của mình, có thể phát huy tối đa sức lao động và trí tuệ vào việc xây dựng đất nước, cải thiện đời sống. Sự tương tác qua lại của độc lập dân tộc và CNXH đã được Hồ Chí Minh khẳng định ngay từ những ngày đầu xây dựng đường lối cách mạng và trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam.

Thứ năm, sự gắn kết độc lập dân tộc và CNXH là tất yếu và chỉ có thể được thực hiện với các điều kiện tiên quyết và cũng gắn kết chặt chẽ với nhau: xây dựng Đảng Cộng sản lãnh đạo luôn luôn đoàn kết, trong sạch, “vừa hồng vừa chuyên”, Đảng không ngừng được nâng cao sức mạnh chiến đấu và luôn luôn trung thành với mục tiêu cao cả là phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân; xây dựng nền dân chủ phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân vào công cuộc dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh luôn khẳng định mọi thắng lợi của cách mạng là do: “Đảng ta luôn đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp, của nhân dân” [2, 219]. Vì vậy, Người kêu gọi toàn thể cán bộ phải luôn luôn chống nạn tham ô, lãng phí và quan liêu, không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Và trên hết, Người kêu gọi toàn Đảng, toàn dân phải gương cao ngọn cờ đoàn kết bởi đó chính là nguồn sức mạnh vô địch đưa tới thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Người căn dặn: “Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng. Nhờ đại đoàn kết mà cách mạng đã thắng lợi, kháng chiến đã thành công” [2, 176], “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [2, 329].

Có thể tóm tắt tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn kết độc lập dân tộc và

CNXH là một quá trình ngày càng được cụ thể hóa, ngày càng trở nên sâu sắc, bền vững về mặt tư tưởng, đường lối và được chứng thực bằng thực tiễn cách mạng. Sự minh triết trong tư tưởng độc lập dân tộc gắn kết với chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh gửi gắm lần cuối cùng trong Di chúc của Người: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [2, 331].

Kết luận

Tư tưởng gắn kết độc lập dân tộc và CNXH của Hồ Chí Minh thể hiện tâm minh triết của Người, thực chất là kết quả vận dụng sáng tạo những lý luận cách mạng tiên tiến của thời đại và truyền thống vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Sự minh triết trong tư tưởng của người về độc lập dân tộc gắn với CNXH thể hiện đặc sắc nhất là ở các mục tiêu cách mạng cơ bản nhất thiết phải đạt tới mà Người luôn luôn không ngừng nhấn mạnh.

Thời đại toàn cầu hóa hiện nay đòi hỏi việc vận dụng sáng tạo và phát triển

tư tưởng Hồ Chí Minh về việc gắn kết độc lập dân tộc và CNXH trên tinh thần mới nhằm mục tiêu “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Đó không chỉ là công việc của giới lý luận hiện nay □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Woodside, A.B. (1976), *Community and Revolution in Modern Vietnam*, Houghton Mifflin Company, Boston.
2. Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh toàn tập (T. 3), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Bá Linh (2009), *Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Dân Tiên (1994), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Dân Tiên (1949), *Hồ Chí Minh truyện*, Thượng Hải.
7. (tiếp theo trang 26)
5. Ferrels and John Fraedrich (2005), *Business ethics-Ethical decision making and cases*, Houghton Mifflin Company.
6. *Green Paper on corporate social responsibility*, http://europa.eu/legislation_summaries/employment_and_social_policy/employment_rights_and_work_organisation/n26039_en.htm
7. Davis, Keith (1973), “The Case For and Against Business Assumption of Social Responsibilities”, *Academy of Management Journal*, 1, 312-322.
8. Dương Thị Liễu (chủ biên) (2009), *Văn hóa kinh doanh*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
9. Phillip V. Lewis (1985), “Defining 'Business Ethics': Like Nailing Jello to a Wall”, *Journal of Business Ethics* 4(1985) 377-383. 0167-4544/85/15
10. “The Social Responsibility of Business is to Increase Its Profits”. *The New York Times Magazine*, Retrieved March 11, 2011.
11. www.thesaigontimes.vn/Home/ykien/11505